TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 5 - 2025.
V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Văn Thiệu và ông Bùi Văn Ơn.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình *tham gia phiên toà:* ông Trần Tú Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19b/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ: xóm C, xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: anh Bùi Văn K, sinh năm 1984. Địa chỉ: xóm V, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: chị và anh Bùi Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình ngày 29/6/2010. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2011. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách và lối sống; vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến anh Bùi Văn K bỏ đi làm ăn xa còn chị Bùi Thị H mang con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với nhau cho đến nay. Quá trình sống ly thân, vợ chồng chị H, anh K không quan tâm đến nhau, bỏ mặc ai sống thế nào cũng được. Nay chị Bùi Thị H thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện đề nghị Tòa

án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn K. Về con chung: chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn K có 01 con chung là Bùi Mạnh T, sinh ngày 19/9/2010. Hiện nay con chung đang ở với chị Bùi Thị H. Khi ly hôn, chị Bùi Thị H nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa yêu cầu anh Bùi Văn K đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: chị Bùi Thị H khai là không có.

Về phía anh Bùi Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Bùi Văn K thể hiện anh Bùi Văn K có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị Bùi Thị H đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không ở một địa chỉ ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Bùi Văn K. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Kết quả Tòa án xác minh, thể hiện: tình trạng hôn nhân của chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn K đúng như chị Bùi Thị H đã khai; mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh K phát sinh do bất đồng quan điểm, tính cách và lối sống; đã ly thân nhau thời gian dài từ năm 2011; chị Bùi Thị H mang con về quê ngoại sinh sống ly thân với anh Bùi Văn K từ đó đến nay. Quá trình sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Về con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như chị Bùi Thị H đã khai.

Toà án đã tiến hành thu thập ý kiến con chung của chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn K thể hiện cháu Bùi Mạnh T có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Bùi Thị H.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về ly hôn, quyền và nghĩa vụ nuôi con chung sau ly hôn.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn K có mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân nhau trong thời gian dài; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về con chung hiện chị Bùi Thị H có đầy đủ điều kiện nuôi con, còn anh Bùi Văn K thu nhập không ổn định và theo nguyện vọng của con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn K không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Bùi Văn K đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã

tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Bùi Văn K. Do bị đơn đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn K khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn K được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị H và anh K1 có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị H, anh K trong cuộc sống có nhiều bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách và lối sống. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân nhau trong thời gian dài và trong thời gian ly thân, chị H, anh K cũng không quan tâm đến nhau nữa mà bỏ mặc ai sống thế nào cũng được. Như vậy, chị H, anh K đã không còn thương yêu nhau, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn K có 01 con chung là Bùi Mạnh T, sinh ngày 19/9/2010. Khi ly hôn, chị Bùi Thị H nhận trực tiếp nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng: phía chị Bùi Thị H có công việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định, cháu Bùi Mạnh T1 đã sinh sống từ nhỏ với chị Bùi Thị H, còn phía anh Bùi Văn K hiện thường xuyên không sinh sống tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không ở một nơi ổn định. Mặt khác, con chung của chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn K có mong muốn được ở với chị Bùi Thị H. Do vậy, vì quyền lợi mọi mặt của trẻ em, Hội đồng xét xử xét cần giao con chung cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng phía chị Bùi Thị H chưa có yêu cầu anh Bùi Văn K đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý kiến tự nguyện của chị Bùi Thị H và không ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Bùi Thị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Bùi Thị H vẫn có quyền yêu cầu anh Bùi Văn K cấp dưỡng trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định có hiệu lực pháp luật khác của Toà án. Anh Bùi Văn K có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Do chị Bùi Thị H khai là không có và việc anh Bùi Văn K vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh Bùi Văn K nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được xem xét bằng vụ việc khác.

[5] Về nợ chung của vợ chồng: Xác định không có.

[6] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H về việc xin ly hôn; cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn K.

2. Về con chung: Xác nhận chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn K có 01 con chung là Bùi Mạnh T, sinh ngày 19/9/2010. Sau khi ly hôn, giao cháu Bùi Mạnh T cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bùi Mạnh T đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định có hiệu lực pháp luật khác của Toà án. Anh Bùi Văn K chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Bùi Thi H1 chưa có yêu cầu. Anh Bùi Văn K có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Anh Bùi Văn K không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Bùi Thị H.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Xác nhận không có.

5. Án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002538 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Bùi Thị H đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã M - Lạc Sơn - Hoà Bình;
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 29/6/2010)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn